

Bản án số: 678/2022/DS-PT
Ngày: 22/11/2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đức
Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Hiền
Ông Nguyễn Bá Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Lê Quỳnh Anh, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoàng, Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/11/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 260/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán";

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 194/2022/DS-ST ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5430/2022/QĐ-PT ngày 01/11/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Lê Ngọc M**

Địa chỉ: 119/118/10 NTT, Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Minh T. (có mặt)

Địa chỉ: 93/15A đường số MB, phường PB, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: **Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải SG – TNHH MTV**

Địa chỉ: Số 262-264 THĐ, Phường NCT, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Bá L và Ông Nguyễn Xuân N. (có mặt)

Cùng địa chỉ: 262 THĐ, Phường NCT Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người kháng cáo: Bà Lê Ngọc M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – bà Lê Ngọc M có ông Huỳnh Minh T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Lê Ngọc M và Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải SG - TNHH Một thành viên - Xí nghiệp Ô tô Toyota - BT có ký Hợp đồng mua bán xe ô tô số 2185/HĐMB-BT-2020 (A-card code: A59782) ngày 26/9/2020; Hình thức thanh toán: Hỗ trợ tài chính về việc mua một xe ô tô nhãn hiệu Toyota Fortuner; Giá xe: 1.230.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm ba mươi triệu đồng).

Bà M đã đặt cọc số tiền: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) theo Phiếu thu ngày 26/9/2020.

Theo khoản 6.2 Điều 6 Hợp đồng: *“Nếu đến ngày 10/10/2020 bên B không cung cấp được văn bản đồng ý cho vay của ngân hàng thì hợp đồng không còn giá trị thực hiện, bên A hoàn trả tiền cọc cho bên B. Thời gian làm thủ tục nhận lại tiền cọc là 30 ngày”.*

Đến tháng 10/2020 bà M bị mắc bệnh hiểm nghèo: “Bệnh thoái hóa khớp gối cấp” không đi lại được nên bà M đã chậm trễ trong việc làm thủ tục nhận lại tiền cọc. Mặt khác theo quy định của Bộ Luật Dân sự 2015 về hợp đồng có điều kiện ở các điều luật cụ thể như Điều 120, khoản 6 Điều 402, Điều 462, theo đó Hợp đồng có điều kiện là loại Hợp đồng mà việc thực hiện phụ thuộc vào việc phát sinh, thay đổi hay chấm dứt một sự kiện nhất định.

Hợp đồng có điều kiện là hợp đồng mà khi giao kết, các bên còn thỏa thuận để xác định về một sự kiện để khi sự kiện đó xảy ra thì hợp đồng được thực hiện hoặc chấm dứt.

Theo khoản 6.2 Điều 6 Hợp đồng quy định: *“Bên B có trách nhiệm hợp tác với ngân hàng để làm thủ tục vay mua xe và đảm bảo có “Giấy chấp thuận cho vay” của ngân hàng trước ngày 10/10/2020. Nếu bên B không cung cấp được văn bản thông báo đồng ý cho vay của ngân hàng theo đúng thời hạn này, hợp đồng sẽ không còn giá trị thực hiện và bên A sẽ hoàn trả lại tiền cọc cho bên B trong 10 ngày kể từ ngày quy định có thông báo cho vay của ngân hàng”.*

Như vậy Hợp đồng đã ký giữa hai bên là hợp đồng có điều kiện. Theo khoản 6.2 bên B không cung cấp thông báo đồng ý cho vay của ngân hàng nên hợp đồng không còn giá trị thực hiện. Do không đáp ứng điều kiện có hiệu lực nên Hợp đồng số 2185/HĐMB-BT-2020 vô hiệu toàn bộ.

Về Hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu, căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 131 Bộ luật Dân sự 2015: *“1. Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch được xác lập.*

2. Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.

Trường hợp không thể hoàn trả được bằng hiện vật thì trị giá thành tiền để hoàn trả.”

Do vậy, ngày 11/6/2021, bà M gửi đề nghị đến Xí nghiệp Ô tô BT, đề nghị công ty xem xét, chia sẻ khó khăn khách quan của khách hàng, trả cho bà số tiền đã đặt cọc là: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Nhưng phía Công ty Toyota BT không đồng ý. Công ty viện dẫn hợp đồng quy định tại mục 6.2 “Trường hợp quá 30 ngày mà bên B vẫn chưa làm thủ tục nhận lại tiền cọc. Bên A sẽ tự động thanh lý hợp đồng và bên B sẽ phải chịu mất số tiền đã đặt cọc. Bên B cam kết không có bất kỳ khiếu nại nào đối với bên A liên quan đến khoản tiền đặt cọc này”.

Do Hợp đồng số 2185/HĐMB-BT-2020 vô hiệu toàn bộ nên các thỏa thuận khác của hợp đồng cũng không có giá trị pháp lý. Hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu là các bên phải hoàn trả cho nhau những tài sản đã giao nhận. Bà M giao cho công ty số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), bà M có quyền đòi lại trong thời hạn khởi kiện tranh chấp hợp đồng mà pháp luật quy định là 03 (Ba) năm.

Bà Lê Ngọc M yêu cầu Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải SG - TNHH MTV:

1. Tuyên bố Hợp đồng mua bán số 2185/HĐMB-BT-2020 ngày 26/9/2020 giữa bà M với Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải SG - TNHH MTV vô hiệu toàn bộ.

2. Buộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải SG - TNHH MTV trả lại cho bà M toàn bộ số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) tiền đặt cọc mà bà M đã chuyển cho Công ty.

3. Đề nghị Tòa án cho công bố bản án, quyết định trên cổng thông tin điện tử theo quy định Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐTP.

Bị đơn – Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải SG - TNHH MTV có ông Phạm Bá L và ông Nguyễn Xuân N là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bị đơn không đồng ý với những ý kiến trình bày của nguyên đơn. Bị đơn đã tạo điều kiện rất nhiều lần nhưng bà M không tới làm việc trực tiếp hoặc cử người đại diện theo ủy quyền theo quy định pháp luật tới liên hệ nhận lại tiền đặt cọc. Theo thỏa thuận Hợp đồng hiện nay đã quá thời hạn nhận lại tiền cọc và số tiền đã được chuyển thành doanh số năm của công ty và được quyết toán nên không hoàn trả cho bà M.

Tại phiên tòa sơ thẩm: bà Lê Ngọc M đã có đơn rút yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án cho công bố bản án, quyết định trên cổng thông tin điện tử theo quy định Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐTP.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 194/2022/DS-ST ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Ngọc M yêu cầu tuyên bố Hợp đồng mua bán số 2185/HĐMB-BT-2020 ngày 26/9/2020 giữa

bà M với Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải SG – TNHH MTV vô hiệu toàn bộ và yêu cầu buộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải SG – TNHH MTV trả lại cho bà M toàn bộ số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) tiền đặt cọc mà bà M đã chuyển cho Công ty.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án cho công bố bản án, quyết định trên cổng thông tin điện tử theo quy định Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐTP của bà Lê Ngọc M.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 15/7/2022, nguyên đơn – bà Lê Ngọc M và người đại diện theo ủy quyền của bà M – ông Huỳnh Minh T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Bị đơn đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Các đương sự không hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến diễn biến phiên tòa phúc thẩm, các đương sự được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn do không có cơ sở, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn – bà Lê Ngọc M và người đại diện theo ủy quyền của bà M – ông Huỳnh Minh T nộp đơn kháng cáo đúng thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Đơn kháng cáo của phía nguyên đơn được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của phía nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Nguyên đơn – bà Lê Ngọc M (bên B) và Chi nhánh Tổng công ty Cơ khí Giao thông Vận tải SG – TNHH Một thành viên – Xí nghiệp Ô tô Toyota – BT

(Bên A) có ký Hợp đồng mua bán xe ô tô số 2185/HĐMB-BT-2020 (A-card code: A59782) ngày 26/9/2020.

Xét Hợp đồng trên được ký kết có đủ các điều kiện có hiệu lực theo quy định tại Điều 117, 118, 119 Bộ luật Dân sự 2015 về chủ thể, năng lực ký kết, mục đích và nội dung của Hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Đồng thời, căn cứ các Điều 122, 407, 123, 124, 125, 126, 127, 128, 129 Bộ luật Dân sự 2015 về các trường hợp giao dịch dân sự vô hiệu thì Hợp đồng trên cũng không bị vô hiệu theo quy định pháp luật, do đó có giá trị pháp lý.

Việc phía nguyên đơn viện dẫn khoản 6.2 Điều 6 Hợp đồng: Nếu đến ngày 10/10/2020 bên B không cung cấp được văn bản đồng ý cho vay của ngân hàng thì hợp đồng không còn giá trị thực hiện, bên A hoàn trả tiền cọc cho bên B. Thời gian làm thủ tục nhận lại tiền cọc là 30 ngày, để xác định Hợp đồng đã ký giữa hai bên là hợp đồng có điều kiện theo quy định tại Điều 120, khoản 6 Điều 402, Điều 462 Bộ luật Dân sự 2015, vì bên B không cung cấp thông báo đồng ý cho vay của ngân hàng nên hợp đồng không còn giá trị thực hiện. Do không đáp ứng điều kiện có hiệu lực nên Hợp đồng số 2185/HĐMB-BT-2020 vô hiệu toàn bộ là không được chấp nhận.

Xét thấy, theo quy định tại Điều 120 Bộ luật Dân sự 2015, giao dịch dân sự có điều kiện là trường hợp các bên có thỏa thuận về điều kiện phát sinh hoặc hủy bỏ giao dịch khi điều kiện đó xảy ra thì giao dịch đó phát sinh hoặc hủy bỏ. Như đã phân tích ở trên, Hợp đồng mua bán xe ô tô số 2185/HĐMB-BT-2020 (A-card code: A59782) ngày 26/9/2020 đã phát sinh hiệu lực và có giá trị pháp lý kể từ thời điểm ký kết, mà không phải chỉ khi “*bên B không cung cấp được văn bản thông báo đồng ý cho vay của ngân hàng*” thì Hợp đồng mới có hiệu lực. Việc Ngân hàng hỗ trợ cho vay chỉ là một trong những hình thức thanh toán giá trị Hợp đồng do các bên tự thỏa thuận và lựa chọn, các bên có thể thỏa thuận một hình thức thanh toán khác hoặc thỏa thuận chấm dứt hợp đồng nếu không được Ngân hàng hỗ trợ cho vay. Như vậy, cụ thể đối với Hợp đồng mua bán xe ô tô số 2185/HĐMB-BT-2020 (A-card code: A59782) ngày 26/9/2020, các bên đã thỏa thuận chấm dứt hợp đồng theo quy định khoản 6.2 Điều 6 Hợp đồng như sau: Nếu đến ngày 10/10/2020 bên B không cung cấp được văn bản đồng ý cho vay của ngân hàng thì hợp đồng không còn giá trị thực hiện, bên A hoàn trả tiền cọc cho bên B. Thời gian làm thủ tục nhận lại tiền cọc là 30 ngày, đây là sự thỏa thuận của các bên và phải được các bên đảm bảo thực hiện theo nguyên tắc của pháp luật dân sự.

Theo khoản 6.2 Điều 6 của Hợp đồng mua bán xe ô tô số 2185/HĐMB-BT-2020 (A-card code: A59782) ngày 26/9/2020:

“ ...

Trường hợp quá 30 ngày mà bên B vẫn chưa làm thủ tục nhận lại tiền cọc, Bên A sẽ tự động thanh lý hợp đồng và bên B sẽ phải chịu mất số tiền đã đặt cọc. Bên B cam kết không có bất kỳ khiếu nại nào đối với bên A liên quan đến khoản tiền đặt cọc này.”

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn cũng thừa nhận sau thời hạn 30 ngày của Hợp đồng trên, khoảng 06 tháng sau phía nguyên đơn mới đến Công ty để yêu cầu trả lại tiền cọc. Như vậy, theo quy định tại khoản 6.2 Điều 6 của Hợp đồng, do đã quá thời hạn 30 ngày, nhưng nguyên đơn không đến để nhận lại tiền đặt cọc, phía bị đơn thanh lý hợp đồng và nguyên đơn phải chịu mất số tiền đã đặt cọc là đúng theo sự thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng mua bán xe ô tô số 2185/HĐMB-BT-2020 (A-card code: A59782) ngày 26/9/2020. Do đó kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận, án sơ thẩm là có căn cứ cần giữ nguyên.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở nên chấp nhận.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do y án sơ thẩm, nên án phí dân sự phúc thẩm phía nguyên đơn phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), tuy nhiên bà Lê Ngọc M là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà M theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn – bà Lê Ngọc M. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 194/2022/DS-ST ngày 30/6/2022 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán” của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Ngọc M yêu cầu tuyên bố Hợp đồng mua bán số 2185/HĐMB-BT-2020 ngày 26/9/2020 giữa bà M với Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải SG – TNHH MTV vô hiệu toàn bộ và yêu cầu buộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải SG – TNHH MTV trả lại cho bà M toàn bộ số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) tiền đặt cọc mà bà M đã chuyển cho Công ty.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án cho công bố bản án, quyết định trên cổng thông tin điện tử theo quy định Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐTP của bà Lê Ngọc M.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự:

2.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Ngọc M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải SG – TNHH MTV không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

2.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Ngọc M được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận M;
- Các đương sự;
- Lưu/20.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Đình Đức